

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
BAN CHỈ ĐẠO ĐIỀU PHỐI LIÊN
NGÀNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ
BIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 18⁵ /QĐ-BCĐUBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo điều phối liên ngành thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO ĐIỀU PHỐI LIÊN NGÀNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm số 70/KH-UBND ngày 10/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo điều phối liên ngành thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo điều phối liên ngành thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 2444/STNMT-CCB ngày 30/9/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo điều phối liên ngành thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo).

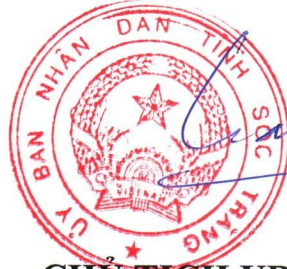
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, huyện Cù Lao Dung, huyện Trần Đề, thị xã Vĩnh Châu và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Chỉ đạo Quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT. *Trần Văn Lâu*

TRƯỞNG BAN



CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Văn Lâu



QUY CHẾ

Hoạt động của Ban Chỉ đạo điều phối liên ngành thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 185 /QĐ-BCĐUBND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Trưởng Ban Chỉ đạo điều phối liên ngành thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo.
2. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Ban Chỉ đạo; cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo; các cơ quan, tổ chức có đại diện là thành viên của Ban Chỉ đạo và cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo làm việc theo Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ do Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.
2. Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung thống nhất, đề cao trách nhiệm cá nhân. Lãnh đạo Ban Chỉ đạo quyết định các vấn đề thông qua các hình thức tổ chức họp Ban Chỉ đạo hoặc lấy ý kiến và báo cáo bằng văn bản.
3. Bảo đảm sự phối hợp trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ngành, địa phương liên quan.
4. Giải quyết công việc đúng phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, bảo đảm kịp thời, chất lượng và hiệu quả.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về toàn bộ hoạt động của Ban Chỉ đạo.
2. Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cho các Phó Trưởng ban và các thành viên.
3. Phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo; quyết định triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo.
4. Ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

5. Xem xét, đề xuất việc kiện toàn Ban Chỉ đạo.

6. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Trưởng ban

1. Các Phó Trưởng ban chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về các nhiệm vụ được Trưởng ban phân công; giúp Trưởng ban xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo thuộc lĩnh vực được phân công và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Phó Trưởng ban là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, địa phương có liên quan trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án được giao tại Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm số 70/KH-UBND ngày 10/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi là Kế hoạch số 70/KH-UBND); định kỳ báo cáo Trưởng ban và Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền của Ban Chỉ đạo.

b) Thay mặt Trưởng ban giải quyết các công việc theo ủy quyền của Trưởng ban; chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo theo sự ủy quyền của Trưởng ban.

c) Tham mưu, giúp Trưởng ban đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng và ban hành bổ sung các cơ chế, chính sách đảm bảo đủ cơ sở pháp lý để triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 70/KH-UBND.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban Chỉ đạo theo phân công của Trưởng ban.

3. Phó Trưởng ban thường trực là Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Giúp Trưởng ban chỉ đạo, điều phối các hoạt động của Ban Chỉ đạo trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 70/KH-UBND.

b) Thay mặt Trưởng ban giải quyết các công việc theo ủy quyền của Trưởng ban; chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo theo sự ủy quyền của Trưởng ban.

c) Giúp Trưởng ban tổ chức kiểm tra và đôn đốc các sở, ngành, địa phương báo cáo kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 70/KH-UBND.

d) Trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

đ) Tham mưu giúp Trưởng ban quyết định khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Kế hoạch số 70/KH-UBND.

e) Định kỳ, đột xuất báo cáo Trưởng ban về các nhiệm vụ được giao.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban Chỉ đạo theo phân công của Trưởng ban.

4. Phó Trưởng ban là Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công thực hiện các chương trình, dự án của Kế hoạch số 70/KH-UBND theo khả năng cân đối, đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban Chỉ đạo theo phân công của Trưởng ban.

5. Phó Trưởng ban là Phó Giám đốc Sở Tài chính

a) Giúp Trưởng ban chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn, quản lý chặt chẽ và hiệu quả kinh phí phục vụ triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 70/KH-UBND.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh cân đối nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương để thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ của Kế hoạch số 70/KH-UBND theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý hiện hành.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban Chỉ đạo theo phân công của Trưởng ban.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên

1. Chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về các nhiệm vụ được phân công.

2. Trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ mà Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho sở, ngành, địa phương theo Kế hoạch số 70/KH-UBND.

3. Phát hiện những vấn đề, nhiệm vụ mới phát sinh liên quan đến công tác quản lý thuộc lĩnh vực của các sở, ngành, địa phương được phân công quản lý và đề xuất biện pháp giải quyết với Trưởng ban; chủ động phối hợp các thành viên khác trong Ban Chỉ đạo để giải quyết các vấn đề phức tạp của Ban Chỉ đạo.

4. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Ban Chỉ đạo; chịu trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện các ý kiến kết luận của Trưởng ban liên quan đến lĩnh vực của các sở, ngành, địa phương được phân công quản lý.

Trong trường hợp không thể tham dự các cuộc họp của Ban Chỉ đạo phải có ủy quyền cho người dự họp thay và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về các nhiệm vụ được phân công.

5. Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban Chỉ đạo theo phân công của Trưởng ban.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo - Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Giúp Ban Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện sau khi được phê duyệt.
2. Phối hợp các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu Ban Chỉ đạo xây dựng, tổng hợp nhu cầu nguồn lực thực hiện Kế hoạch số 70/KH-UBND; đề xuất lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư của tỉnh.
3. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo đột xuất và định kỳ của Ban Chỉ đạo; tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; chuẩn bị nội dung, chương trình hội nghị, hội thảo.
4. Tham mưu, đề xuất kiện toàn Ban Chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tế; tiếp nhận, quản lý, lưu trữ, cung cấp tư liệu, tài liệu phục vụ cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo.
5. Giữ mối quan hệ với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Trưởng ban.

Chương III CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo họp định kỳ mỗi năm một lần vào cuối quý IV; trong trường hợp cần thiết, Trưởng ban quyết định triệu tập họp đột xuất. Thành phần cuộc họp do Trưởng ban quyết định.
2. Trưởng ban quyết định triệu tập cuộc họp mở rộng có sự tham gia của người đứng đầu cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án về phát triển kinh tế biển.
3. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình và phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phục vụ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; gửi tài liệu đến các đại biểu tham dự cuộc họp trước ít nhất 03 ngày làm việc.

Điều 8. Chế độ làm việc và cơ chế phối hợp

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.
2. Trưởng ban, các Phó Trưởng ban định kỳ hoặc đột xuất làm việc với các thành viên Ban Chỉ đạo, Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo để nghe báo cáo tình hình và chỉ đạo việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo.

3. Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm giao các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực mình quản lý làm đầu mối, phối hợp Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo để thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

Điều 9. Chế độ thông tin báo cáo

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo báo cáo Trưởng ban theo các hình thức: Báo cáo trực tiếp, báo cáo bằng văn bản hoặc điện tử, báo cáo thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất.

a) Nội dung báo cáo Cần phân tích, đánh giá, tổng kết việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án được giao; phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến kết quả thực hiện và các đề xuất, kiến nghị đối với các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án chưa được thực hiện theo tiến độ yêu cầu.

b) Thời gian nộp báo cáo: Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện và trước ngày 15/11 hàng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

c) Báo cáo đột xuất: Theo yêu cầu của Trưởng ban, các Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo.

d) Nơi nhận báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tổng hợp, đôn đốc, xây dựng báo cáo định kỳ và đột xuất về hoạt động của Ban Chỉ đạo để báo cáo Trưởng ban.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo và Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo do ngân sách nhà nước đảm bảo và được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường. Các thành viên Ban Chỉ đạo được trưng dụng cán bộ, sử dụng kinh phí, phương tiện, các trang thiết bị do đơn vị mình quản lý để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban, các Phó Trưởng ban có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các thành viên Ban Chỉ đạo, Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo phối hợp thực hiện Quy chế này.

2. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo - Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này, kịp thời báo cáo Trưởng ban các vấn đề phát sinh có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các thành viên Ban Chỉ đạo phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định./.